

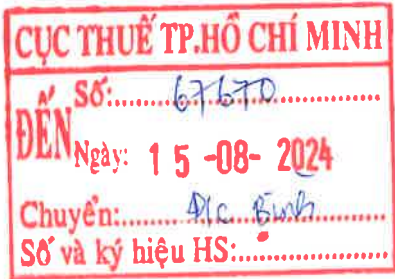
**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 4681 /UBND-DA

Về trình tự thực hiện dự án PPP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024



Kính gửi:

- Các Sở - ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC).

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 10540/SKHĐT-PPP ngày 07 tháng 8 năm 2024 về trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

1. Thông qua Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức, các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố nghiên cứu, phổ biến, đăng tải công khai Trình tự thực hiện dự án PPP tại Cổng thông tin điện tử của đơn vị; hướng dẫn các nhà đầu tư quan tâm đề xuất thực hiện dự án PPP tại Thành phố theo quy định.

3. Giao Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư căn cứ vào tình hình xúc tiến đầu tư của Thành phố, đề xuất việc ban hành ấn phẩm phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm CV 10540);
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CPVP;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, (DA/M.Tâm)

CHỦ TỊCH



Phan Văn Mãi

SAO Y

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10540 /SKHĐT-PPP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2024

Về trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Tại Thông báo số 356/TB-VP ngày 08 tháng 4 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo:

“Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Quy trình đầu tư các dự án PPP kèm các biểu mẫu, hồ sơ và hướng dẫn thực hiện (cần bao gồm nội dung và trách nhiệm của các Cơ quan chuyên môn trong xử lý các vướng mắc, khó khăn khi triển khai dự án PPP liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, pháp lý sử dụng đất...) theo nguyên tắc “Quy trình đầu tư các dự án PPP phải thuận lợi, triển khai dự án được nhanh hơn so với quy trình đầu tư các dự án đầu tư công” ...”.

Thực hiện chỉ đạo nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 4704/SKHĐT-PPP ngày 23/4/2024 và Công văn số 6628/SKHĐT-PPP ngày 29/5/2024 gửi các Sở có ý kiến về việc xử lý các vướng mắc, khó khăn khi triển khai dự án PPP theo lĩnh vực quản lý.

Đồng thời, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, phối hợp Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tổng hợp và xây dựng dự thảo Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và có Công văn số 7352/SKHĐT-PPP ngày 12/6/2024 lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Qua tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

1. Về quan điểm xây dựng Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại Thông báo số 356/TB-VP ngày 08 tháng 4 năm 2024, nhằm hướng dẫn các nhà đầu tư tiềm năng cũng như các Sở ban ngành Thành phố trong việc thực hiện dự án PPP, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, phối hợp Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tổng hợp và xây dựng dự thảo Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ

Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trình tự).

Dự thảo Trình tự được xây dựng từ việc tổng hợp các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư của Trung ương (Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021) cùng với Quy định riêng của Thành phố (Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)). Ngoài ra, một số nội dung hướng dẫn đặc thù (các Mẫu hồ sơ, đánh giá, sơ đồ, hợp đồng...) từ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành cũng được tập hợp thành các Phụ lục trong Dự thảo Trình tự.

Dự thảo Trình tự chỉ nhằm mục đích hướng dẫn, không có nội dung quy phạm pháp luật khác với các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được ban hành, do đó về hình thức ban hành Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo hình thức của văn bản hành chính cá biệt (không phải văn bản quy phạm pháp luật).

2. Về nội dung góp ý của các cơ quan, đơn vị:

2.1. Góp ý về nội dung Trình tự:

Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến góp ý của 28 cơ quan, đơn vị (trong đó có 3 đơn vị có ý kiến góp ý và 25 đơn vị thống nhất hoặc không có ý kiến).

Qua rà soát các ý kiến góp ý của 03 đơn vị là Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Ban Quản lý đường sắt đô thị thì các đơn vị này chỉ góp ý các nội dung về thẩm quyền đã được quy định tại Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố). Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư không có cơ sở để điều chỉnh theo ý kiến góp ý của các Sở.

(Đính kèm Chi tiết góp ý của các cơ quan, đơn vị)

2.2. Góp ý về về việc xử lý các vướng mắc, khó khăn khi triển khai dự án PPP theo lĩnh vực quản lý:

Hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được ý kiến phản hồi của Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, trong đó chỉ có Sở Quy hoạch – Kiến trúc có trình bày nội dung hướng dẫn liên quan công tác quy hoạch. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến hướng dẫn của Sở Quy hoạch – Kiến trúc tại Phụ

lục số 24 kèm theo Trình tự.

3. Đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Qua tổng hợp ý kiến của các Sở ngành nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Trình tự với mục đích hướng dẫn các nhà đầu tư cũng như tạo sự thống nhất cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố trong việc thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Như đã báo cáo tại mục 1, dự thảo Trình tự không có nội dung quy phạm pháp luật khác với các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được ban hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận ban hành Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức văn bản hành chính cá biệt (*đính kèm*).

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (đề b/c);
- Lưu: VT, PPP (Namph, 6b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Quách Ngọc Tuấn





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: UBND-DA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Về trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Các Sở - ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- Các Ban quản lý dự án trực thuộc UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC).

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số /SKHĐT-PPP ngày tháng 8 năm 2024; Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thông qua Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).
2. Giao các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các Ban quản lý dự án trực thuộc UBND thành phố nghiên cứu, phổ biến Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Giao Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư căn cứ vào tình hình xúc tiến đầu tư của Thành phố, đề xuất ban hành ấn phẩm cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB; CT; các Phó CT;
- VPUB : CVP, PCVP/DA ;
- Phòng DA
- Lưu : VT, (DA-HN...)

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐÃ CÓ VĂN BẢN GÓP Ý THEO ĐỀ NGHỊ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TẠI CÔNG VĂN SỐ 7352/SKHĐT-PPP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2024

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ			GHI CHÚ
		THỐNG NHẤT	KHÔNG CÓ Ý KIẾN	CÓ Ý KIẾN GÓP Ý	
	TỔNG CỘNG	21	4	3	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	X			
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	X			
3	Ban Quản lý đường sắt đô thị			X	
4	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao		X		
5	Sở Công Thương	X			
6	Sở Du lịch	X			
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	X			
8	Sở Khoa học và Công nghệ		X		
9	Sở Lao động, thương binh và xã hội	X			
10	Sở Nội vụ		X		
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X			
12	Sở Quy hoạch - Kiến Trúc		X		
13	Sở Tư pháp			X	
14	Sở Xây dựng			X	
15	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	X			
16	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	X			
17	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	X			
18	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	X			
19	Ủy ban nhân dân Quận 10	X			
20	Ủy ban nhân dân Quận 11	X			
21	Ủy ban nhân dân Quận 3	X			
22	Ủy ban nhân dân Quận 4	X			
23	Ủy ban nhân dân Quận 6	X			
24	Ủy ban nhân dân Quận 7	X			
25	Ủy ban nhân dân Quận 8	X			
26	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	X			
27	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	X			
28	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	X			

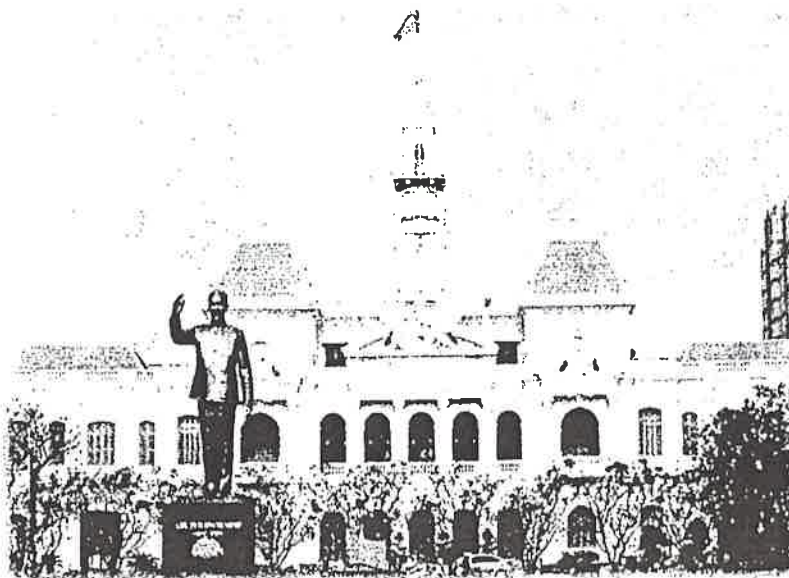
TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRONG QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO VĂN BẢN

S T T	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Tiếp thu một phần	Giải trình	Nội dung tiếp thu/giải trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	TỔNG CỘNG Ban Quản lý đường sắt đô thị	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh điểm b khoản 1.2 chương II từ "Ban Quản lý đường sắt đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường sắt" thành "Ban Quản lý đường sắt đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt đô thị". - Bổ sung đơn vị chuẩn bị dự án đối với các dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo khoản 1 Điều 12 Luật PPP 			X	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận, nhưng đề xuất không chỉnh sửa theo ý kiến này, lý do như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 1.2 chương II dự thảo: nội dung trong dự thảo trích dẫn từ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND Thành phố) - Nội dung về Đơn vị chuẩn bị dự án trong dự thảo trích dẫn từ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND Thành phố)
2	Sở Tư pháp	Điều chỉnh điểm a khoản 3.3 chương III: "Căn cứ pháp lý để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: <i>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp</i> "			X	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận, nhưng đề xuất không chỉnh sửa theo ý kiến này, lý do như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 3.3 chương III trong dự thảo được trích dẫn từ điểm a khoản 3 Điều 8 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND Thành phố)
3	Sở Xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh điểm i khoản 5.5 chương II: "<i>Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>" - Làm rõ cơ sở pháp lý tại điểm g khoản 3.3 chương III: "<i>Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực: cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; cơ sở khám chữa bệnh, y tế dự phòng, kiểm nghiệm; văn hóa, thể thao</i>" 			X	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận, nhưng đề xuất không chỉnh sửa theo ý kiến này, lý do như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về điểm i khoản 5.5 chương II dự thảo: Nội dung trong dự thảo được trích dẫn từ điểm i khoản 3 Điều 6 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND Thành phố) - Về điểm g khoản 3.3 chương III dự thảo: Nội dung trong dự thảo được trích dẫn từ điểm g khoản 3 Điều 8 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND Thành phố)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP THEO CÁC QUY ĐỊNH PHÁP
LUẬT VỀ ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DỰ THẢO



Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Việc đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP) đã và đang trở thành một trong những mô hình hợp tác có hiệu quả giữa nhà nước và tư nhân, trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Nhằm bắt được tình hình đó, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư cùng với các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư được ban hành tạo hành lang pháp lý vững chắc thúc đẩy việc hợp tác đầu tư giữa khu vực Nhà nước và tư nhân.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giới thiệu Trình tự thực hiện dự án PPP theo các quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hướng dẫn các Nhà đầu tư một số nội dung khi tham gia thực hiện đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Trình tự chỉ có tính chất tham khảo, mọi trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung của Trình tự với quy định của pháp luật thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong Trình tự này:

- Luật PPP là Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020.

- Nghị quyết số 98 là Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Quy định 04 là Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP	6
1. Quy trình thông thường:.....	6
2. Quy trình thực hiện đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ:.....	6
3. Dự án PPP có công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc.....	6
CHƯƠNG II - LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CÔNG BỐ DỰ ÁN.....	8
1. Cơ quan chuyên môn, ban quản lý chuyên ngành về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP trên địa bàn Thành phố.....	8
2. Lựa chọn dự án và xem xét chấp thuận báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP.....	9
2.1. Dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền đề xuất	9
3. Trình tự lập hồ sơ đề xuất dự án:	10
4. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	12
5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP.....	12
6. Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.....	17
7. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.....	17
8. Công bố thông tin dự án PPP	18
CHƯƠNG III - LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN PPP.....	19
1. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.....	19
2. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư đối với dự án PPP.....	19
3. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP	20
4. Phê duyệt dự án PPP	23
5. Phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.....	24
6. Điều chỉnh dự án PPP.....	24

7. Dừng, chấm dứt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư	25
CHƯƠNG IV - LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ.....	26
1. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong lựa chọn nhà đầu tư	26
2. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư.....	27
3. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư	27
4. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu	29
5. Xét duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	30
6. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.....	30
7. Quy trình chi tiết lựa chọn nhà đầu tư đối với đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh	30
8. Quy trình chi tiết chỉ định nhà đầu tư	32
CHƯƠNG V - THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP DỰ ÁN PPP; HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP.....	33
1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP	33
2. Phân loại hợp đồng dự án PPP	33
3. Hồ sơ hợp đồng dự án PPP.....	34
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP	35
5. Ký kết hợp đồng dự án PPP	35
6. Sửa đổi hợp đồng dự án PPP	36
7. Thời hạn hợp đồng dự án PPP.....	37
8. Chấm dứt hợp đồng dự án PPP	37
CHƯƠNG VI - TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP ...	39
1. Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.....	39
2. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán.....	39
3. Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án PPP	40
4. Quản lý, giám sát chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.....	40
5. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	41
6. Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng	42
7. Điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.....	42

8. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.....	42
9. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công	43
10. Giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ công	43
11. Chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.....	44
12. Thanh lý hợp đồng dự án PPP.....	44

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP

1. Quy trình thông thường:

1.1. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;

1.2. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;

1.3. Lựa chọn nhà đầu tư;

1.4. Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;

1.5. Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP

(Khoản 1 Điều 11 Luật PPP)

2. Quy trình thực hiện đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ:

2.1. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;

2.2. Lựa chọn nhà đầu tư;

2.3. Nhà đầu tư được lựa chọn lập báo cáo nghiên cứu khả thi;

2.4. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;

2.5. Thực hiện các bước quy định tại điểm 1.4 và điểm 1.5 Mục này.

(Khoản 2 Điều 11 Luật PPP)

3. Dự án PPP có công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc

3.1. Trường hợp dự án PPP có công trình phải thực hiện thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định của pháp luật về kiến trúc:

a) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi phải thuyết minh nội dung về căn cứ pháp lý, sự cần thiết, hình thức thi tuyển và nội dung liên quan khác của việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc, làm cơ sở quyết định chủ trương đầu tư dự án;

b) Chi phí thi tuyển phương án kiến trúc được xác định theo quy định hiện hành đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và được tính vào tổng mức đầu tư của dự án. Trường hợp dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất, nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chi phí thi tuyển phương án kiến trúc.

3.2. Sau khi quyết định chủ trương đầu tư dự án, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định của pháp luật về kiến trúc.

(Khoản 3 Điều 11 Luật PPP, Điều 23 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

CHƯƠNG II - LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CÔNG BỐ DỰ ÁN

1. Cơ quan chuyên môn, ban quản lý chuyên ngành về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP trên địa bàn Thành phố

Các cơ quan chuyên môn, ban quản lý chuyên ngành đối với các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Luật PPP và điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98 được xác định như sau:

1.1. Cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (gọi tắt là cơ quan chuyên môn PPP):

- a) Sở Giao thông vận tải đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;
- b) Sở Công Thương đối với dự án thuộc lĩnh vực lưới điện, nhà máy điện, trừ nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực;
- c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi;
- d) Sở Xây dựng đối với dự án thuộc lĩnh vực cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải;
- đ) Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc lĩnh vực xử lý chất thải;
- e) Sở Y tế đối với dự án thuộc lĩnh vực y tế;
- g) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo;
- h) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;
- i) Sở Thông tin và Truyền thông đối với dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng công nghệ thông tin;
- k) Sở Văn hóa và Thể thao đối với dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao.

1.2. Ban quản lý chuyên ngành về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (gọi tắt là ban quản lý chuyên ngành PPP):

- a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường bộ; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không;

b) Ban Quản lý đường sắt đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường sắt;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải;

d) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi;

đ) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp đối với dự án thuộc lĩnh vực: y tế; giáo dục - đào tạo; văn hóa, thể thao; hạ tầng công nghệ thông tin; năng lượng tái tạo; nhiệt điện than; nhiệt điện khí (bao gồm cả khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG); điện hạt nhân; lưới điện.

1.3. Trường hợp dự án liên quan đến lĩnh vực phụ trách, quản lý của từ 2 cơ quan trở lên quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cơ quan chuyên môn PPP, ban quản lý chuyên ngành PPP.

(Điều 4 Quy định 04)

2. Lựa chọn dự án và xem xét chấp thuận báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP

2.1. Dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền đề xuất

a) Điều kiện lựa chọn dự án PPP bao gồm:

- Sự cần thiết đầu tư;

- Thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật PPP và đáp ứng quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật PPP; Đối với lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, thể thao và văn hóa thì dự án đáp ứng quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu do Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

- Không trùng lặp với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án;

- Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác;

- Có khả năng bố trí vốn Nhà nước trong trường hợp có nhu cầu sử dụng vốn Nhà nước.

b) Căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:

- Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của dự án;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

c) Đơn vị chuẩn bị dự án trong trường hợp dự án PPP:

- Dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công: Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn PPP theo lĩnh vực quản lý được quy định tại mục 1.1 Chương này là đơn vị chuẩn bị dự án.

- Dự án nhóm B, C theo quy định của pháp luật về đầu tư công: Ủy ban nhân dân Thành phố giao ban quản lý chuyên ngành PPP theo lĩnh vực quản lý được quy định tại mục 1.2 Chương này là đơn vị chuẩn bị dự án.

(Khoản 1, 2 Điều 14 Luật PPP; điểm a, b khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98; Khoản 1 Điều 5 Quy định 04)

2.2. Dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất:

a) Dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Sự cần thiết đầu tư;

- Thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật PPP và đáp ứng quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật PPP; Đối với lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, thể thao và văn hóa thì dự án đáp ứng quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu do Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

- Không trùng lặp với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án;

- Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác;

- Không trùng với dự án PPP đang được cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc đã chấp thuận nhà đầu tư khác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải tổ chức đấu thầu rộng rãi hoặc đàm phán cạnh tranh theo quy định tại Điều 37 hoặc Điều 38 của Luật PPP.

3. Trình tự lập hồ sơ đề xuất dự án:

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận văn bản đề xuất thực hiện dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất hoặc đề nghị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án từ các cơ quan được quy định tại điểm c mục 2.1 Chương này.

3.2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận đề xuất lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP của các Sở, ban ngành hoặc nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 PPP tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến bao gồm:

- Cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý có ý kiến về sự thiết đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; sự phù hợp lĩnh vực và quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu; các yếu tố đầu vào đầu ra của dự án PPP; không trùng lặp với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án; có lợi thế so với hình thức đầu tư khác;

- Sở Tài chính có ý kiến về khả năng bố trí vốn nhà nước trong trường hợp có nhu cầu sử dụng vốn nhà nước;

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến về sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

- Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới Nam Thành phố, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm, Ban quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu nông nghiệp công nghệ cao, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp có ý kiến đối với các dự án thuộc khu vực mình quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (kèm theo đầy đủ hồ sơ). Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP. Nội dung văn bản chấp thuận bao gồm cách thức phối hợp với các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư và nội dung khác có liên quan; trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do.

3.4. Trường hợp được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận, nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án bao gồm: báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trường hợp hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận thì nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro.

(Điều 26, 27 Luật PPP; Khoản 2, 3 Điều 5 Quy định 04)

4. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

4.1. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được chấp thuận lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, căn cứ quy định của pháp luật tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

4.2. Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

- Sự cần thiết đầu tư; lợi thế đầu tư theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác; tác động của việc thực hiện dự án theo phương thức PPP đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án;

- Mục tiêu; dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;

- Phương án thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, pháp luật khác có liên quan đối với dự án không có cấu phần xây dựng; thuyết minh sơ bộ về phương án kỹ thuật, công nghệ; sơ bộ phân chia dự án thành phần (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như đối với dự án đầu tư công;

- Sơ bộ tổng mức đầu tư; đánh giá sơ bộ phương án tài chính của dự án; dự kiến sử dụng vốn nhà nước trong dự án (nếu có); dự kiến phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, hợp đồng BLT;

- Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP; các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu.

(Thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP

5.1. Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan có thẩm quyền và do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án thực hiện lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

a) Đối với dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập:

Ủy ban nhân dân Thành phố giao đơn vị chuẩn bị dự án thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm lập, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan trung ương trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư (công tác xây dựng Kế hoạch thẩm định, góp ý thẩm định hồ sơ dự án và các nội dung khác).

b) Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất:

Cơ quan chuyên môn PPP chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư.

5.2. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cụ thể:

- Đối với các dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Đối với các dự án nhóm B, C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, cơ quan chuyên môn PPP nêu tại mục 1 Chương này chủ trì thẩm định.

5.3. Hồ sơ đề nghị thẩm định:

- Văn bản đề nghị thẩm định
- Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư.
- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan.

(Số lượng hồ sơ 10 bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

5.4. Tổ chức thẩm định:

a) Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự phù hợp với điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật PPP;

- Sự phù hợp với căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật PPP;
- Hiệu quả đầu tư; khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư;
- Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án PPP;
- Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu;
- Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước.

(Thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần vốn đầu tư công sử dụng đầu tư cho dự án theo quy định tại Điều 19 và 20 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, gửi Hội đồng thẩm định cơ sở/cơ quan chủ trì thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

5.5. Cơ chế phối hợp thẩm định:

Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá về hồ sơ dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

b) Sự phù hợp với điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại Điều 14 của Luật PPP:

- Sự cần thiết phải đầu tư dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Sự phù hợp về lĩnh vực đầu tư theo quy định của Luật PPP và Nghị quyết số 98: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Sự không trùng lặp với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Lợi thế so với các hình thức đầu tư khác: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;

- Khả năng bố trí vốn nhà nước: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Sự phù hợp với căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật PPP:

- Sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Sự phù hợp của dự án với quy định của Luật PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Sự phù hợp của dự án với các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có): cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

d) Hiệu quả đầu tư của dự án:

- Đánh giá sự phù hợp của phương án sơ bộ về kỹ thuật, công nghệ: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ;

- Đánh giá đề xuất phân chia thành các dự án thành phần: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Tài chính;

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội, tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế của dự án (BCR): Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Sự phù hợp của phân thuyết minh về tác động của dự án đối với môi trường, xã hội và các nội dung khác: Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

đ) Khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư:

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố tài chính đầu vào, trong đó bao gồm chi phí trong suốt vòng đời dự án (gồm tổng mức đầu tư, chi phí khai thác, vận hành), doanh thu, các thông số đầu vào khác; các chỉ tiêu tài chính và sơ bộ phương án tài chính của dự án: Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Đánh giá sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

e) Sự phù hợp khi áp dụng cơ chế chia sẻ phân giảm doanh thu (đối với dự án có áp dụng cơ chế chia sẻ phân giảm doanh thu): Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

g) Đánh giá sự phù hợp của loại hợp đồng dự án PPP trên cơ sở xem xét các yếu tố: nguồn thu và khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư; thời gian hoàn vốn và thời hạn hợp đồng dự án; tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, bao gồm rủi ro đối với ngân sách địa phương, khả năng chi trả của cộng đồng người sử dụng dịch vụ của dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

h) Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước:

- Đối với dự án có sử dụng vốn đầu tư công: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên để thanh toán cho doanh nghiệp dự án: Sở Tài chính;

- Đối với dự án sử dụng nguồn thu hợp pháp dành để chi thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để thanh toán cho doanh nghiệp dự án: Sở Tài chính, đơn vị có nguồn thu;

- Đối với dự án sử dụng giá trị tài sản công làm phần Nhà nước tham gia: Cơ quan được giao chủ trì thẩm định tổng hợp giá trị tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan để tham gia dự án PPP.

i) Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

k) Một số nội dung khác (Đánh giá mục tiêu, quy mô, địa điểm, nhu cầu sử dụng đất, thời gian thực hiện,...): cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

5.6. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại mục 5.5 Chương này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định

không thuộc các cơ quan được nêu tại mục 5.5 Chương này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

(Điều 6 Quy định 04)

6. Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP

6.1. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP:

- Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư.
- Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư.
- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

6.2. Phê duyệt chủ trương đầu tư:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều Điều 12 Luật PPP.

b) Nội dung quyết định chủ trương đầu tư bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên dự án;
- Tên cơ quan có thẩm quyền;
- Mục tiêu; dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;
- Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP;
- Sơ bộ tổng mức đầu tư; sơ bộ phương án tài chính: cơ cấu nguồn vốn trong dự án, dự kiến khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng;
- Cơ chế bảo đảm đầu tư, cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu;

(Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

7. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP

7.1. Chủ trương đầu tư dự án PPP được điều chỉnh khi thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên hoặc tăng giá trị vốn Nhà nước trong dự án PPP trong các trường hợp sau đây:

- Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng;
- Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi;
- Khi điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

7.2. Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP là cấp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

7.3. Trình tự trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện tương tự trình tự trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án.

7.4. Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư bao gồm:

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư;
- Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

8. Công bố thông tin dự án PPP

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có), Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công bố thông tin dự án bao gồm:

- Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có);
- Quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có);
- Thông tin về địa chỉ liên hệ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu

(Điều 25 Luật PPP, Điều 7 Quy định 04)

CHƯƠNG III - LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN PPP

1. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP

Sau khi chủ trương đầu tư của dự án được phê duyệt, đơn vị giao chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật PPP và Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Trường hợp quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 Luật PPP, báo cáo nghiên cứu khả thi xác định tiêu dự án như đối với việc xác định gói thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu. Trong quá trình xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các công việc thuộc tiêu dự án căn cứ quy định về lựa chọn nhà thầu do doanh nghiệp dự án ban hành theo quy định tại Điều 58 Luật PPP.

(Điều 24 nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

2. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư đối với dự án PPP

2.1. Căn cứ tình hình chuẩn bị dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giao Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (ITPC) đăng tải thông báo khảo sát bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố; bằng tiếng Việt đối với dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 31 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

2.2. Nhà đầu tư quan tâm đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc liên hệ ITPC để được hướng dẫn.

Trong trường hợp cần thiết ITPC đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị giới thiệu, trao đổi với các nhà đầu tư về các nội dung liên quan đến dự án trong thời hạn đăng ký quan tâm thực hiện dự án.

2.3. Hết thời hạn đăng ký quan tâm thực hiện dự án, ITPC tổng hợp, báo cáo Kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư cho Ủy ban nhân dân Thành phố

(Điều 24 nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Điều 9 Quy định 04)

3. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP

3.1 Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được chấp thuận lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định;
- Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Quyết định chủ trương đầu tư;
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

(Số lượng hồ sơ 10 bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

3.2 Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự phù hợp với căn cứ pháp lý;
- Sự cần thiết đầu tư;
- Sự phù hợp với yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc sản phẩm, dịch vụ công. Việc thẩm định các nội dung về hồ sơ thiết kế, kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan;
- Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án PPP;
- Tính khả thi về tài chính; phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;
- Hiệu quả kinh tế - xã hội.

3.3. Cơ chế phối hợp thẩm định:

Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bao gồm các nội dung sau:

- a) Căn cứ pháp lý để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp.
- b) Sự cần thiết đầu tư dự án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

c) Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án: Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức;

d) Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đối với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương, khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

đ) Lợi thế của việc đầu tư dự án theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

e) Mức độ ảnh hưởng của các dự án có liên quan: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

g) Thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật (xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó; tính thực tiễn của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật): Cơ quan chuyên môn về xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, xem xét sự phù hợp của thuyết minh về các yêu cầu kỹ thuật dẫn đến phương thức quản lý và sử dụng phần vốn này (tiểu dự án hoặc hạng mục): Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;

- Thiết kế cơ sở đối với dự án có cấu phần xây dựng:

+ Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực giao thông;

+ Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực: cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; cơ sở khám chữa bệnh, y tế dự phòng, kiểm nghiệm; văn hóa, thể thao;

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực thủy lợi;

+ Sở Công Thương chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực: năng lượng tái tạo, nhiệt điện than, nhiệt điện khí (bao gồm cả khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG), điện hạt nhân, lưới điện, trừ các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực.

- Thiết kế cơ sở đối với dự án không có cấu phần xây dựng: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Các yếu tố đầu vào cung ứng cho dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Các yếu tố đầu ra của dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

h) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Tác động của dự án đối với môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Tác động của dự án đối với xã hội: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức theo địa bàn quản lý;

- Tác động của dự án đối với quốc phòng, an ninh (nếu có): Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố;

i) Tính khả thi về mặt tài chính:

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính (Giá trị hiện tại ròng tài chính - NPV; Tỷ suất nội hoàn tài chính - IRR) và phương án tài chính sơ bộ của dự án: Sở Tài chính;

- Vốn nhà nước tham gia trong dự án:

- + Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn đầu tư công: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- + Sự phù hợp của giá trị và mục đích sử dụng tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc vốn từ nguồn thu để lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ công để thanh toán cho nhà đầu tư hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với vốn từ nguồn chi thường xuyên, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư: Sở Tài chính;

- + Xem xét khả năng bảo đảm không dẫn đến các khoản nợ tài chính ngoài dự kiến cho phía Nhà nước: Sở Tài chính.

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn để xử lý rủi ro từ dự phòng ngân sách trung ương hay địa phương theo quyết định chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

k) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

l) Sự phù hợp của các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư (không áp dụng đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới): Sở Kế hoạch và Đầu tư.

m) Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án.

4. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại mục 3.3 Chương này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định không thuộc các cơ quan được nêu tại mục 3.3 Chương này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

(Thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

4. Phê duyệt dự án PPP

4.1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP

- Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án.
- Dự thảo quyết định phê duyệt dự án.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi.
- Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.
- Quyết định chủ trương đầu tư.
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

(Điều 22 Luật PPP)

4.2. Quyết định phê duyệt dự án PPP bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên dự án;
- Tên cơ quan ký kết hợp đồng;
- Mục tiêu; quy mô; địa điểm; thời gian thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;
- Loại hợp đồng dự án PPP;

- Tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn trong dự án; giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng;

- Tên bên mời thầu, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật PPP.

(Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

5. Phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

5.1 Sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền giao nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo Mục 1 Phần này, trừ dự án PPP ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới.

5.2 Việc giao cho nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại khoản 5.1 Mục này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư. Văn bản thỏa thuận bao gồm nội dung về mục đích; yêu cầu; chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi; chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm tra và nguyên tắc xử lý trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án, nhà đầu tư chịu mọi rủi ro, chi phí;

b) Trường hợp sau khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ do nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả cho nhà đầu tư đề xuất.

5.3 Hồ sơ, nội dung, thời gian phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo Mục 4 Phần này.

5.4 Nhà đầu tư được lựa chọn phải hoàn trả chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Luật PPP và điểm b khoản 5.2 Mục này trước khi ký kết hợp đồng dự án PPP.

(Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

6. Điều chỉnh dự án PPP

6.1 Báo cáo nghiên cứu khả thi được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng;

- Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội cho dự án;

- Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi gây ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, địa điểm, quy mô của dự án;

- Không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án.

6.2 Trường hợp điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dẫn đến thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên hoặc tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP thì phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án.

6.3 Thẩm quyền, trình tự thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP thực hiện theo quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 và 23 của Luật PPP đối với nội dung điều chỉnh.

6.4 Hồ sơ điều chỉnh dự án bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;
- Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án;
- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

7. DỪNG, CHẤM DỨT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN TRƯỚC KHI TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

7.1. Đối với dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án nhưng không thực hiện, phải dừng, chấm dứt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án hoặc thực hiện chuyển đổi phương thức đầu tư (trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư) thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định trước đó tiếp tục chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

b) Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định thì Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

7.2. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thành lập Nhóm Công tác liên ngành. Nhóm Công tác liên ngành không thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên môn thay cho các Sở ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

CHƯƠNG IV - LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong lựa chọn nhà đầu tư

1.1. Đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố giao làm Bên mời thầu có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và các nhiệm vụ khác của Bên mời thầu theo quy định của pháp luật PPP và pháp luật khác có liên quan; thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trong đó:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường bộ; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không;

b) Ban Quản lý đường sắt đô thị thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường sắt;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải;

d) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi;

đ) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực: y tế; giáo dục - đào tạo; văn hóa, thể thao; hạ tầng công nghệ thông tin; năng lượng tái tạo; nhiệt điện than; nhiệt điện khí (bao gồm cả khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG); điện hạt nhân; lưới điện.

1.2. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Bên mời thầu phê duyệt các nội dung sau:

a) Hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 38 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Kết quả sơ tuyển theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

c) Hồ sơ mời đàm phán theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 43 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

d) Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các nội dung sau:

a) Hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

(Điều 10 Quy định 04)

2. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư

2.1 Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy trình sau đây:

- Lựa chọn danh sách ngắn (nếu áp dụng);
- Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư;
- Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;
- Đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án PPP, công khai thông tin hợp đồng.

2.2. Căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc lựa chọn danh sách ngắn sau khi quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Luật PPP hoặc sau khi phê duyệt dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Luật PPP.

2.3. Việc lựa chọn nhà đầu tư theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật PPP trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

2.4. Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận được ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

2.5. Nhà đầu tư cam kết sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước được ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

3. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư

3.1. Đấu thầu rộng rãi

- Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong đó không hạn chế số lượng nhà đầu tư tham dự.

- Đấu thầu rộng rãi phải được áp dụng cho tất cả dự án PPP, trừ trường hợp quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật PPP.

3.2. Đàm phán cạnh tranh

Đàm phán cạnh tranh được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án được mời tham dự;
- Dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;
- Dự án ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyên gia công nghệ.

3.3. Chỉ định nhà đầu tư

a) Chỉ định nhà đầu tư được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước;
- Dự án cần phải lựa chọn ngay nhà đầu tư thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 của Luật PPP để bảo đảm tính liên tục trong quá trình thực hiện dự án.

b) Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định việc chỉ định nhà đầu tư; trường hợp chỉ định nhà đầu tư đối với dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật PPP thì trước khi chỉ định nhà đầu tư phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trên cơ sở có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước.

3.4. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

a) Trường hợp dự án PPP xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các điều 37, 38 và 39 của Luật PPP, cơ quan có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà đầu tư.

b) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau đây:

- Thông tin cơ bản của dự án;
- Thuyết minh về điều kiện đặc thù, riêng biệt của dự án;
- Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm: các bước thực hiện lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được tính đặc thù, riêng biệt của dự án được đề xuất để bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án.

(Điều 37, 38, 39, 40 Luật PPP)

4. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu

4.1. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

a) Việc đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển căn cứ phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển.

b) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Năng lực, kinh nghiệm về tài chính - thương mại, khả năng thu xếp vốn; kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự.

Trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

- Phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án và cam kết thực hiện dự án;
- Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện.

(Điều 41 Luật PPP)

4.2. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

a) Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm căn cứ theo thang điểm 100 hoặc 1.000 quy định trong hồ sơ mời thầu. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật PPP.

b) Việc đánh giá về mặt kỹ thuật căn cứ theo thang điểm 100 hoặc 1.000 hoặc phương pháp đánh giá đạt hoặc không đạt quy định trong hồ sơ mời thầu. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm: tiêu chuẩn về chất lượng, công suất, hiệu suất; tiêu chuẩn vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; tiêu chuẩn về môi trường và an toàn; tiêu chuẩn kỹ thuật khác.

c) Việc đánh giá về tài chính - thương mại căn cứ theo phương pháp so sánh, xếp hạng quy định trong hồ sơ mời thầu. Phương pháp so sánh, xếp hạng được xây dựng trên các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại, bao gồm một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công;
- Tiêu chuẩn vốn Nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước.

(Điều 50 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Điều 42 Luật PPP)

5. Xét duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Hồ sơ dự thầu hợp lệ;
- Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật;
- Đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại;
- Có hồ sơ dự thầu được xếp thứ nhất.

6. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư

6.1. Bên mời thầu chịu trách nhiệm đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

6.2. Bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

- Thông tin quy định tại khoản 4 Điều 62 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;
- Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư (đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh);
- Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn.

(Điều 63 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)

7. Quy trình chi tiết lựa chọn nhà đầu tư đối với đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh

7.1. Lựa chọn danh sách ngắn bao gồm:

a) Đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 34 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP: xác định danh sách ngắn căn cứ kết quả sơ tuyển theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41 và 42 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP: xác định danh sách ngắn căn cứ kết quả khảo sát sự quan tâm

của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

c) Đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP: xác định danh sách ngắn theo quy định tại Điều 43, 44, 45 và 46 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Căn cứ danh sách ngắn, tổ chức đàm phán cạnh tranh theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP làm cơ sở để lập hồ sơ mời thầu.

7.2. Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Riêng đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP, trong quá trình lập hồ sơ mời thầu, bên mời thầu trao đổi với nhà đầu tư trong danh sách ngắn để hoàn thiện hồ sơ mời thầu theo quy định tại Điều 48 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

7.3. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

a) Mời thầu, phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ mời thầu; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu theo quy định tại Điều 51 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu theo quy định tại Điều 52 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

7.4. Đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm:

a) Đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP: mở, đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại theo quy định tại các Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58 và 59 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Đối với dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP: mở hồ sơ dự thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

7.5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 62 và Điều 63 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

7.6. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án PPP, công khai thông tin hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

*(Theo sơ đồ quy định tại các Mục I, II và III của Phụ lục V
Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)*

8. Quy trình chi tiết chỉ định nhà đầu tư

Quy trình chi tiết các hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo sơ đồ quy định tại các Mục IV và Mục V của Phụ lục V kèm theo Nghị định này, cụ thể:

8.1. Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật PPP, việc chỉ định nhà đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 66 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và thực hiện quy trình chi tiết dưới đây:

a) Chuẩn bị chỉ định nhà đầu tư bao gồm lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm xác định nhà đầu tư đáp ứng quy định tại Điều 29 của Luật PPP và khoản 5 Điều 29 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP được đề nghị chỉ định khi phê duyệt hồ sơ mời thầu.

b) Tổ chức chỉ định nhà đầu tư bao gồm:

- Phát hành hồ sơ mời thầu: hồ sơ mời thầu được phát hành cho nhà đầu tư được đề nghị chỉ định;

- Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu;

- Mở hồ sơ dự thầu.

c) Đánh giá hồ sơ dự thầu.

d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

đ) Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án PPP, công khai thông tin hợp đồng.

8.2. Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Luật PPP, quy trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

*(Theo sơ đồ quy định tại các Mục IV, V của Phụ lục V
Nghị định số 35/2021/NĐ-CP)*

CHƯƠNG V - THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP DỰ ÁN PPP; HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP

1.1 Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn, nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp dự án PPP theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng, có mục đích duy nhất để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

1.2 Doanh nghiệp dự án PPP được phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 78 của Luật PPP.

1.3 Ngoài quy định nêu trên, việc thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể, phá sản của doanh nghiệp dự án PPP thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và hợp đồng dự án PPP.

(Điều 4 Luật PPP)

2. Phân loại hợp đồng dự án PPP

2.1 Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu sản phẩm, dịch vụ công, bao gồm:

a) Hợp đồng BOT là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng, kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó cho Nhà nước;

b) Hợp đồng BTO là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; sau khi hoàn thành xây dựng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng cho Nhà nước và được quyền kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó trong thời hạn nhất định;

c) Hợp đồng BOO là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng, sở hữu, kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chấm dứt hợp đồng;

d) Hợp đồng O&M là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để kinh doanh, quản lý một phần hoặc toàn bộ công trình,

hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chấm dứt hợp đồng.

2.2. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, bao gồm:

a) Hợp đồng BTL là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và chuyển giao cho Nhà nước sau khi hoàn thành; được quyền cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở vận hành, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó trong thời hạn nhất định; cơ quan ký kết hợp đồng thuê dịch vụ và thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP;

b) Hợp đồng BLT là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở vận hành, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó trong thời hạn nhất định; cơ quan ký kết hợp đồng thuê dịch vụ và thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó cho Nhà nước.

2.3. Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng kết hợp giữa các loại hợp đồng quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.2 nêu trên.

2.4. Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật PPP, không áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng.

(Điều 45 Luật PPP)

3. Hồ sơ hợp đồng dự án PPP

3.1. Hồ sơ hợp đồng dự án PPP bao gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- a) Hợp đồng dự án PPP bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
- b) Phụ lục hợp đồng (nếu có);
- c) Biên bản đàm phán hợp đồng;
- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- đ) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;
- e) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu.

3.2. Khi có sự thay đổi các nội dung hợp đồng, các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng.

(Điều 46 Luật PPP)

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP

4.1. Doanh nghiệp dự án PPP phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

4.2. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 01% đến 03% tổng mức đầu tư của dự án.

4.3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành nghĩa vụ trong giai đoạn xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo hợp đồng; trường hợp cần kéo dài thời gian xây dựng, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4.4. Doanh nghiệp dự án PPP được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi hoàn thành nghĩa vụ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 48 Luật PPP; đối với hợp đồng O&M, bảo đảm thực hiện hợp đồng được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

4.5. Doanh nghiệp dự án PPP không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng sau khi ký kết hợp đồng;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 52 của Luật PPP;
- c) Không gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều Điều 48 Luật PPP.

(Điều 48 Luật PPP)

5. Ký kết hợp đồng dự án PPP

5.1. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, hồ sơ dự thầu còn hiệu lực, thông tin năng lực của nhà đầu tư đã được cập nhật tại thời điểm ký kết và hồ sơ mời thầu.

5.2. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hợp thành một bên và cùng ký vào hợp đồng với cơ quan ký kết hợp đồng.

5.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng.

5.4. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cơ quan chuyên môn PPP làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trường hợp dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của từ 2 cơ quan chuyên môn PPP trở lên, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc ủy quyền cho một cơ quan ký kết hợp đồng dự án

5.5. Cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP

(Điều 49 Luật PPP)

6. Sửa đổi hợp đồng dự án PPP

6.1. Việc sửa đổi hợp đồng dự án PPP phải quy định trong hợp đồng và được các bên xem xét khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng hoặc khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản hoặc có sự thay đổi về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phương án kỹ thuật, tài chính của dự án, giá, phí sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp;

b) Điều chỉnh một trong các bên ký kết hợp đồng;

c) Điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án PPP theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 51 của Luật PPP;

d) Trường hợp khác thuộc thẩm quyền của cơ quan ký kết hợp đồng mà không làm thay đổi chủ trương đầu tư, mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội cho dự án.

6.2. Trình tự sửa đổi hợp đồng dự án PPP được quy định như sau:

a) Một trong các bên hợp đồng có văn bản đề nghị sửa đổi hợp đồng, trong đó nêu rõ trường hợp được áp dụng để xem xét sửa đổi;

b) Các bên tổ chức đàm phán các nội dung hợp đồng dự kiến sửa đổi bao gồm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; thời hạn hợp đồng; các nội dung khác của hợp đồng khi có sự thay đổi;

c) Các bên ký kết phụ lục hợp đồng đối với các nội dung sửa đổi.

6.3. Trường hợp sửa đổi hợp đồng dẫn đến thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên, tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP sau khi đã sử dụng hết dự phòng thì phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 18 của Luật PPP trước khi ký kết phụ lục hợp đồng đối với các nội dung sửa đổi.

(Điều 50 Luật PPP)

7. Thời hạn hợp đồng dự án PPP

7.1. Thời hạn hợp đồng do các bên thỏa thuận căn cứ vào quyết định phê duyệt dự án và kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

7.2. Các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng bảo đảm tổng thời hạn hợp đồng, bao gồm thời gian điều chỉnh không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không làm thay đổi các nội dung khác của quyết định chủ trương đầu tư dự án.

7.3. Các trường hợp điều chỉnh thời hạn hợp đồng bao gồm:

a) Chậm trễ hoàn thành giai đoạn xây dựng hoặc gián đoạn trong quá trình vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của một bên;

b) Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Nhà nước đình chỉ dự án, trừ trường hợp phải đình chỉ do lỗi của doanh nghiệp dự án PPP;

c) Chi phí gia tăng phát sinh do yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng chưa được xác định khi ký kết hợp đồng và nếu không được gia hạn thì doanh nghiệp dự án PPP không thể thu hồi các chi phí này;

d) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan làm giảm doanh thu dưới 75% so với mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng;

đ) Khi doanh thu tăng từ 125% trở lên so với mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng.

(Điều 51 Luật PPP)

8. Chấm dứt hợp đồng dự án PPP

8.1. Việc chấm dứt hợp đồng dự án PPP thực hiện theo quy định tại hợp đồng, làm cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng.

8.2. Việc chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn chỉ áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng mà các bên đã thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng không bảo đảm việc tiếp tục thực hiện hợp đồng dự án PPP;

b) Vì lợi ích quốc gia; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Khi doanh nghiệp dự án PPP mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Khi một trong các bên trong hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng;

đ) Trường hợp khác do hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự, các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng.

8.3. Cơ quan ký kết hợp đồng phải báo cáo cấp có thẩm quyền trước khi chấm dứt hợp đồng.

8.4. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Phối hợp với bên cho vay tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thay thế để ký kết hợp đồng dự án PPP mới;

b) Trong thời gian chưa thực hiện phương án xử lý, chưa lựa chọn được nhà đầu tư thay thế, cơ quan ký kết hợp đồng chịu trách nhiệm tổ chức bảo đảm an toàn, chống xuống cấp cho công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đối với dự án đang trong giai đoạn xây dựng; tổ chức vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm bảo đảm tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án đang trong giai đoạn vận hành.

8.5. Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 8.4 mục này được sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật PPP và nguồn thu hợp pháp khác.

8.6. Trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn quy định tại điểm b khoản 8.2 mục này hoặc do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng quy định tại điểm d khoản 8.2 mục này, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ vốn nhà nước theo quy định của pháp luật; trường hợp chấm dứt do lỗi của nhà đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 8.2 mục này thì nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư thay thế.

(Điều 52 Luật PPP)

CHƯƠNG VI - TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

1. Chuẩn bị mặt bằng xây dựng

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan này.

1.2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng nhiệm vụ của chính quyền địa phương theo quy định pháp luật về đất đai để tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án trên địa bàn.

1.3. Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các cơ quan liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định pháp luật; kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết kịp thời những nội dung liên quan theo quy định tại pháp luật về đất đai.

(Điều 12 Quy định 04)

2. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán

2.1. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi và quy định của hợp đồng dự án PPP, doanh nghiệp dự án PPP phải thực hiện một hoặc các nội dung sau đây:

- Lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, đối với tiêu dự án hoặc hạng mục sử dụng vốn đầu tư công thì lập dự toán gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để tổ chức thẩm định;

- Lập thiết kế, đối với tiêu dự án hoặc hạng mục sử dụng vốn đầu tư công thì lập dự toán gửi cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật khác có liên quan để tổ chức thẩm định.

2.2. Doanh nghiệp dự án PPP phê duyệt thiết kế, dự toán quy định tại khoản 2.1 Mục này và gửi cơ quan ký kết hợp đồng các tài liệu sau đây để theo dõi, giám sát:

- Hồ sơ thiết kế, dự toán đã được phê duyệt;
- Hồ sơ thẩm định thiết kế, dự toán của cơ quan chuyên môn.

3. Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án PPP

Doanh nghiệp dự án PPP phải ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

3.1. Bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế;

3.2. Bảo đảm không gây ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng và lợi ích của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng;

3.3. Nhà thầu được lựa chọn phải đáp ứng đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, có giải pháp khả thi thực hiện gói thầu, dự án; chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ thực hiện gói thầu theo hợp đồng ký kết với doanh nghiệp dự án PPP, trong đó phải có nội dung ràng buộc về trách nhiệm nếu chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng yêu cầu tại hợp đồng dự án PPP. Doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ thực hiện dự án;

3.4. Khuyến khích sử dụng nhà thầu trong nước đối với phần công việc mà nhà thầu trong nước thực hiện được;

3.5. Chỉ sử dụng lao động nước ngoài nếu lao động trong nước không đáp ứng yêu cầu.

4. Quản lý, giám sát chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

4.1. Doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát về chất lượng, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật.

4.2. Trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo hợp đồng, cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức kiểm tra việc doanh nghiệp dự án PPP giám sát quá trình thi công xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục và toàn bộ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Đề nghị doanh nghiệp dự án PPP yêu cầu nhà thầu điều chỉnh hoặc đình chỉ thi công khi xét thấy chất lượng công việc thực hiện không bảo đảm yêu cầu.

4.3. Cơ quan ký kết hợp đồng được thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4.2 mục này.

4.4 Chi phí thuê tư vấn kiểm định chất lượng và chi phí khác liên quan được thực hiện như sau:

- Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng kết luận chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng yêu cầu tại hợp đồng do lỗi của doanh nghiệp dự án PPP, nhà thầu thì doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí;

- Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng kết luận chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu tại hợp đồng hoặc kết luận không đáp ứng yêu cầu tại hợp đồng nhưng không do lỗi của doanh nghiệp dự án PPP, nhà thầu thì cơ quan ký kết hợp đồng sử dụng chi phí triển khai thực hiện dự án quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật PPP để thanh toán.

5. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

5.1 Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP như sau:

- Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 của Luật PPP, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định của pháp luật như đối với dự án đầu tư công;

- Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, cơ quan ký kết hợp đồng tổng hợp giá trị đã giải ngân cho doanh nghiệp dự án PPP được kiểm toán độc lập kiểm toán, làm cơ sở để quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP. Vốn đầu tư công trong dự án PPP được quyết toán không vượt quá mức vốn nhà nước được xác định tại hợp đồng.

5.2. Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc giá trị quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng được xác định căn cứ hợp đồng đã ký kết.

5.3. Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp dự án PPP tại hợp đồng về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

6. Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

6.1. Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc pháp luật khác có liên quan làm cơ sở lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành.

6.2. Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan ký kết hợp đồng kiểm tra và cấp xác nhận hoàn thành cho doanh nghiệp dự án PPP. Trường hợp doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành giai đoạn xây dựng trước thời hạn hoặc tiết kiệm được chi phí đầu tư thì việc xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không ảnh hưởng đến thời hạn hợp đồng hoặc mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được xác định tại hợp đồng.

7. Điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

7.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7.2 mục này, doanh nghiệp dự án PPP được vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng kể từ ngày cơ quan ký kết hợp đồng xác nhận hoàn thành theo quy định tại mục 6 Phần này.

7.2. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, doanh nghiệp dự án PPP vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng kể từ ngày hợp đồng dự án PPP có hiệu lực.

8. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

8.1. Trong quá trình vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và các thỏa thuận khác tại hợp đồng;
- Bảo đảm việc sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo các điều kiện quy định tại hợp đồng;
- Đối xử bình đẳng với tất cả đối tượng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp; không được từ chối cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đối tượng sử dụng;
- Tiếp nhận, xử lý kịp thời ý kiến của đối tượng sử dụng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp;
- Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng vận hành an toàn theo đúng thiết kế hoặc quy trình đã cam kết tại hợp đồng.

8.2. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với doanh nghiệp dự án PPP thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm d khoản 8.1 mục này.

9. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

9.1. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công và điều kiện, thủ tục, điều chỉnh được quy định tại hợp đồng dự án PPP theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP, người sử dụng và Nhà nước, tạo điều kiện để nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thu hồi vốn và có lợi nhuận. Phương án giá, khung giá sản phẩm, dịch vụ công theo thời hạn hợp đồng dự án PPP phải xác định cụ thể mức giá khởi điểm và mức giá cho từng thời kỳ bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá.

9.2. Việc áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo quy định của pháp luật.

9.3. Việc thỏa thuận, điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ trong hợp đồng dự án PPP phải phù hợp với quy định của pháp luật về giá, phí.

9.4. Khi điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, việc công khai thông tin điều chỉnh thực hiện như sau:

- Chậm nhất là 10 ngày trước khi áp dụng mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được điều chỉnh, cơ quan ký kết hợp đồng công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 của Luật PPP;

- Doanh nghiệp dự án PPP niêm yết mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được điều chỉnh tại địa điểm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định của pháp luật về giá, phí.

10. Giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ công

10.1. Doanh nghiệp dự án PPP phải bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo hợp đồng dự án PPP.

10.2. Cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm tổ chức giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp theo hợp đồng dự án PPP.

10.3. Trường hợp xét thấy chất lượng sản phẩm, dịch vụ công không đáp ứng yêu cầu theo hợp đồng dự án PPP, cơ quan ký kết hợp đồng yêu cầu doanh nghiệp dự án PPP khắc phục theo thời hạn quy định tại hợp đồng; trường hợp doanh nghiệp dự án PPP không khắc phục hoặc chậm khắc phục thì áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm trong hợp đồng.

10.4. Cơ quan ký kết hợp đồng được thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 10.2 mục này. Chi phí thuê tư vấn được thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật PPP.

11. Chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

11.1. Việc chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và xác định chất lượng, giá trị công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trước khi chuyển giao thực hiện theo quy định tại hợp đồng dự án PPP. Giá trị còn lại của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sau chuyển giao được tổng hợp vào tài sản nhà nước và ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách Nhà nước.

11.2. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản chuyển giao thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

12. Thanh lý hợp đồng dự án PPP

12.1. Hợp đồng dự án PPP được thanh lý như sau:

- Trường hợp các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, các bên ký kết hợp đồng xác nhận việc hoàn thành và chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên;

- Trường hợp hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật PPP, các bên ký kết hợp đồng xác nhận các nghĩa vụ đã hoàn thành và trách nhiệm của các bên đối với phần công việc chưa hoàn thành.

12.2. Thời hạn thanh lý hợp đồng dự án PPP do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không quá 180 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày các bên thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

12.3. Trường hợp phát sinh chi phí khi thanh lý hợp đồng quy định tại khoản 12.1 mục này thì nội dung thanh lý hợp đồng phải xác định nghĩa vụ của cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP đối với chi phí phát sinh.

